TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ QUAO** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2024/DS-ST
Ngày: 25-3-2024.
V/v: "*Tranh chấp kiện đòi nợ do mua bán tôm giống, thức ăn, thuốc và vật tư nuôi thủy sản".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Thanh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh;
2. Ông Võ Văn Liềm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Ông Danh Vũ Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 25/3/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 28/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2024 về việc "Tranh chấp kiện đòi nợ do mua bán tôm giống, thức ăn, thuốc và vật tư nuôi thủy sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST-DS, ngày 29 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Âu Sới T - sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Ấp B, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: Ông Giang Văn D - sinh năm 1970 (vắng mặt nhưng ông D ủy quyền cho bà L1 theo văn bản ngày 16/02/2024) và bà Nguyễn Thị L1 - sinh năm 1970 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/02/2024 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Âu Sới T trình bày: Tôi có bán thực ăn nuôi tôm, tôm giống và vật tư thủy sản để phục vụ cho việc nuôi tôm tại xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu thì vợ chồng ông D, bà L1 có đến cửa hàng của tôi mua thức ăn tôm, tôm giống, thuốc và vật tư thủy sản phục vụ cho việc

nuôi tôm, từ năm 2022 đến năm 2023. Lúc mua thì ông D, bà L1 có trả tiền mặt và có thiếu lại số tiền là 173.250.000 đồng (một trăm bảy mươi ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) và vợ chồng ông D, bà L1 hứa đến khi thu hoạch tôm sẽ thanh toán hết số tiền còn thiếu cho tôi nhưng khi thu hoạch xong thì vợ chồng ông D, bà L1 không trả đủ tiền cho tôi như lời hứa mà chỉ trả được khoảng 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng thì tôi không đồng ý. Đồng thời, khi ông D, bà L1 có mua nhiều lần và ông, bà hứa trả tiền đủ khi thu hoạch tôm xong nhưng ông ba cũng không thực hiện.

Nay tôi làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân huyện Gò Quao giải quyết buộc vợ chồng ông D và bà L1 phải trả cho tôi số tiền mua thưc ăn nuôi tôm, tôm giống, thuốc và vật tư thủy sản phục vụ cho việc nuôi tôm còn thiếu là 173.250.000 đồng (một trăm bảy mươi ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) và tính lãi suất theo quy định của Nhà nước từ ngày 08 tháng 11 năm 2022 âl cho đến khi giải quyết xong vụ án. Đồng thời, tôi yêu cầu vợ chồng ông D, bà L1 trả cho tôi một lần là hết nợ còn ông D, bà L1 xin trả dần cho tôi mỗi năm là 15.000.000 đồng đến khi hết nợ thì tôi không đồng ý và không đồng ý giảm lải suất cho ông D và bà L1.

***Tại bản tự khai đề ngày 16/02/2024 và tại phiên tòa bá Nguyễn Thị L1 trình bày*:** Tôi xác định từ năm 2022 đến năm 2023 có tôm giống, thuốc, thức ăn và vật tư thủy sản của ông T về để phục vụ nuôi tôm còn số lương tôm giống, thức ăn, thuốc và vật tư thủy sản bao nhiêu tôi không nhớ. Đồng thời, khi mua tôm giống, thức ăn, thuốc và vật tư thủy sản của ông T là tôi mua thiếu và khi nào thu hoạch tôm sẽ thanh toán tiền cho ông T. Đến khi thu hoạch do lúc đầu khi thả tôm nuôi không đạt dẫn đến thất thu không trả tiền cho ông T được nên còn thiếu ông T số tiền là 173.250.000 đồng (một trăm bảy mươi ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) là đúng. Hơn nữa, khi thu hoạch tôm thì tôi nói với ông T có nhiều thì trả nhiều nên còn thiếu bao nhiêu thì ghi lại đến thu hoạch tôm trả tiếp cho đến hết nợ nên hiện nay còn thiếu 173.250.000 đồng (một trăm bảy mươi ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Về hóa đơn nhận nợ ngày 23/10/2023 âl mà ông T cung cấp cho Tòa án thì Tòa án có cho tôi xem nên tôi xác định là chữ ký của chồng tôi.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu vợ chồng tôi trả phải cho ông tổng số tiền là 173.250.000 đồng (một trăm bảy mươi ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) thì vợ chồng tôi thừa nhận hiện nay còn thiếu ông T tổng số tiền mua bán tôm giống, thức ăn, thuốc và vật tư nuôi thủy sản là 173.250.000 đồng (một trăm bảy mươi ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) nên vợ chồng tôi xin trả dần cho ông T mỗi năm là 15.000.000 đồng đến khi hết nợ còn ông T yêu cầu vợ chồng tôi trả một lần hết nợ thì vợ chồng tôi không có khả năng. Về yêu cầu tính lãi suất của ông T thì vợ chồng tôi yêu cầu ông T không lãi cho vợ chồng tôi vì vốn không có khả năng trả.

Tại bản tự khai ngày 16/02/2024 đồng bị đơn ông Giang Văn D trình bày: Tôi xác định từ năm 2022 đến năm 2023 có tôm giống, thuốc và vật tư thủy sản của ông T về để phục vụ nuôi tôm còn số lương tôm giống, thức ăn, thuốc và vật tư thủy sản bao nhiêu tôi không nhớ. Đồng thời, khi mua tôm giống, thức ăn, thuốc và vật tư thủy sản của ông T là tôi mua thiếu và khi nào thu hoạch tôm sẽ thanh toán tiền cho ông T. Đến

khi thu hoạch do lúc đầu khi thả tôm nuôi không đạt dẫn đến thất thu không trả tiền cho ông T được nên còn thiếu ông T số tiền là 173.250.000 đồng (một trăm bảy mươi ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) là đúng. Hơn nữa, khi thu hoạch tôm thì tôi nói với ông T có nhiều thì trả nhiều nên còn thiếu bao nhiêu thì ghi lại đến thu hoạch tôm trả tiếp cho đến hết nợ nên hiện nay còn thiếu 173.250.000 đồng (một trăm bảy mươi ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Nay ông T khởi kiện yêu cầu vợ chồng tôi trả phải cho ông tổng số tiền là 173.250.000 đồng (một trăm bảy mươi ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) thì vợ chồng tôi thừa nhận hiện nay còn thiếu ông T tổng số tiền mua bán tôm giống, thức ăn, thuốc và vật tư nuôi thủy sản là 173.250.000 đồng (một trăm bảy mươi ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) nên vợ chồng tôi xin trả dần cho ông T mỗi năm là 15.000.000 đồng đến khi hết nợ còn ông T yêu cầu vợ chồng tôi trả một lần hết nợ thì vợ chồng tôi không có khả năng. Về yêu cầu tính lãi suất của ông T thì vợ chồng tôi yêu cầu ông T không lãi cho vợ chồng tôi vì vốn không có khả năng trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa ông Âu Sới T với ông Giang Văn D và bà Nguyễn Thị L1 là tranh chấp về dân sự được quy định tại Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Ông Giang Văn D là đồng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng ông D có văn bản ủy quyền cho bà Nguyễn Thị L1 nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp.

[2] Về nội dung: Hai bên đương sự đã thừa nhận là vợ chồng ông Giang Văn D và bà Nguyễn Thị L1 có đến cửa hàng vật tư thủy sản của ông T mua tôm giống, thức ăn, thuốc và vật tư nuôi thủy sản về để nuôi tôm là đúng sự thật.

Đồng thời, vợ chồng ông Giang Văn D và bà Nguyễn Thị L1 thừa nhận có mua tôm giống, thức ăn, thuốc và vật tư nuôi thủy sản của ông T về để nuôi tôm từ năm 2022 đến năm 2023 còn thiếu tổng số tiền là 173.250.000 đồng (một trăm bảy mươi ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) chưa trả nhưng ông D, bà L1 cam kết và hẹn trả nhiều lần mà không thực hiện, để kéo dài đến nay chưa thanh toán được nợ là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 280 của Bộ luật dân sự năm 2015. Mặc khác, trong quá trình giải quyết vụ án ông D, bà L1 xin trả dần số tiền trên mỗi năm là 15.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng yêu cầu này của ông D, bà L1 không được ông T chấp nhận nên HĐXX không có căn cứ xem xét. Do đó, buộc ông Giang Văn D và bà Nguyễn Thị L1 phải trả số tiền còn thiếu cho ông Âu Sới T là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[3] Về lãi suất: Xét về yêu cầu tính lãi suất của ông Âu Sới T thì HĐXX xét thấy: Ông T yêu cầu tính lãi suất trên tổng số tiền gốc từ ngày 08/11/2022 âl đến ngày xét xử là có căn cứ chấp nhận còn ông D, bà L1 yêu cầu không tính lãi nữa là không có căn cứ

chấp nhận. Bởi vì, giá tôm giống, thức ăn và thuốc thủy sản hiện nay tăng cao so với thời điểm mua tôm giống, thức ăn và thuốc thủy sản của ông D, bà L1 nên ông T đã bị thiệt hại. Do vậy, việc ông T yêu cầu tính lãi là đúng với thực tế và phù hợp pháp luật nên HĐXX chấp nhận. Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án ông T yêu cầu tính lãi suất theo quy định của Nhà nước là có căn cứ chấp nhận.

Do đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015: "*Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ*".

Đối chiếu quy định trên thì lãi suất cho phép là 10%/năm: 12 tháng = 0,83%/tháng nên thời gian tính lãi suất như sau:

Đối với số tiền là 173.250.000 đồng tính từ ngày 08/11/2022 âl (tức là ngày 01/12/2022) đến ngày xét xử 25/3/2024 là 15 tháng 24 ngày: (173.250.000 đồng x 0,83%/tháng) x 15 tháng 24 = 22.720.005 đồng.

Tổng cộng vốn và lãi: 173.250.000đ + 22.720.005đ = 195.970.005 đồng làm tròn 195.970.000đ (một trăm chín mươi lăm triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng).

[4] Từ những phân tích đánh giá trên và sau khi thảo luận, nghị án HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Âu Sới T đối với bị đơn ông Giang Văn D và bà Nguyễn Thị L1. Do đó, buộc ông Giang Văn D và bà Nguyễn Thị L1 phải trả số tiền còn thiếu cho ông Âu Sới T là 195.970.000đ (một trăm chín mươi lăm triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5]. Về án phí DSST có giá ngạch là: 195.970.000đ x 5% = 9.798.500đ (chín triệu bảy trăm chín mươi tám nghìn năm trăm đồng) ông Giang Văn D và bà Nguyễn Thị L1 phải nộp do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ.

Yêu cầu của ông Âu Sới T được Tòa án chấp nhận nên ông nhận lại số tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp là 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004695 ngày 05/02/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 11, Điều 280, Điều 357, Điều 468 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12

năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Âu Sới T đối với bị đơn ông Giang Văn D và bà Nguyễn Thị L1.

Buộc ông Giang Văn D và bà Nguyễn Thị L1 phải có trách nhiệm trả cho ông Âu Sới T số tiền là 195.970.005 đồng làm tròn 195.970.000đ (một trăm chín mươi lăm triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí DSST có giá ngạch là: 9.798.500đ (chín triệu bảy trăm chín mươi tám nghìn năm trăm đồng) ông Giang Văn D và bà Nguyễn Thị L1 phải nộp do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ.

Ông Âu Sới T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp là 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004695 ngày 05/02/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án là ngày 25/3/2024.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a và Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Hoài Thanh